TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2024/DSST
Ngày: 11-9-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Minh Nhiễm;**

Ông **Lê Văn Bài**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Minh Châu**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 410/TLST–DS ngày 18-7-2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2024/QĐXXST-DS, ngày 12-8-2024 và Thông báo dời lịch xét xử vụ án dân sự ngày 27-8-2024 giữa:

***Nguyên đơn*:** Ông Thạch Đ, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp Đại Tr, xã Phú C, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

***Bị đơn*:**

1. Ông Trương Văn T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp Nh, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh; Đang chấp hành án tại Trại giam Bến Giá ở khóm 2, phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

2. Bà Lữ Thị B, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp Nh, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị D, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp Đại Tr, xã Phú C, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Thạch Đ trình bày:

Từ năm 2020 đến năm 2022, ông T, bà B có hỏi vay của vợ chồng ông tổng cộng bằng 7.800.000.000 (bảy tỷ tám trăm triệu) đồng, có viết biên nhận cho ông, hai bên thỏa thuận lãi suất từ 3%-4,5%/tháng/tổng số tiền vốn vay, không có thỏa thuận thời hạn trả lại vốn vay.

Đến ngày 05/8/2022 ông T, bà B có viết một tờ cam kết thống nhất tổng cộng nợ vợ chồng ông tiền vốn vay bằng 7.800.000.000 đồng, ông T, bà B cho trả trước cho vợ chồng ông tiền vốn bằng 390.000.000 đồng và hứa đến ngày 14/8/2022 sẽ trả đủ tiền vốn vay còn lại cho vợ chồng ông.

Đến thời gian cam kết trả nợ nhưng ông T, bà B không thực hiện nên vợ chồng ông làm đơn tố cáo ông Trương Văn T đến Công an huyện Tiểu Cần, quá trình làm việc công an đã xác định hành vi của ông T đã bị truy tố. Tại bản án hình sự số 11/2024/HS-ST ngày 13/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã buộc ông T phải trả số tiền đã chiếm đoạt của vợ chồng ông bằng 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng. Số tiền còn lại bản án nhận định là giao dịch dân sự, không có hành vi phạm tội. Đối với số tiền vốn vay ông T, bà B đã trả cho vợ chồng ông tổng cộng bằng 1.590.000.000 đồng (1.200.000.000 đồng+390.000.000 đồng), ông đồng ý cấn trừ lại tiền vốn vay ông T, bà B nợ vợ chồng ông.

Nay ông yêu cầu ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B cùng có trách nhiệm trả cho ông với bà D tiền vốn vay còn nợ bằng 6.210.000.000 (Sáu tỷ hai trăm mười triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

***Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Trương Văn T trình bày*:** Ông có vay tiền của ông Thạch Đ nhiều lần (thời gian từ năm 2020 đến năm 2022) tổng cộng ông với bà B nợ ông Đ, bà D bằng 7.800.000.000 đồng, có làm biên nhận, trong thời gian vay ông có trả trước cho ông Đ bằng 390.000.000 đồng, sau đó ông bị bắt, tại Bản án hình sự số: 11/2024/HS-ST ngày 13/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh ông đồng ý khắc phục cho ông Đ số tiền 1.200.000.000 đồng, tổng cộng ông trả được cho ông Đ, bà D bằng 1.590.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền vốn vay 6.210.000.000 đồng, việc vay tiền ông với ông Đ cũng có thỏa thuận lãi suất và đóng tiền lãi cho ông Đ, đối với mức lãi suất và tiền lãi suất đã đóng ông không yêu cầu, ông đồng ý cùng bà B trả cho ông Đ, bà D tiền vốn vay còn nợ bằng 6.210.000.000 đồng, yêu cầu không tính lãi.

***Trong quá trình giải quyết bị đơn bà Lữ Thị B trình bày*:** Bà là vợ ông T, bà thừa nhận ông T có vay tiền của ông Đ, bà D bằng 7.800.000.000 đồng, ông T có trả cho ông Đ bằng 1.590.000.000 đồng, hiện tại ông T còn nợ ông Đ, bà D bằng 6.210.000.000 đồng, bà đồng ý cùng ông T trả cho ông Đ, bà D yêu cầu không tính lãi.

Bà Võ Thị D có ý kiến trình bày như sau: Bà là vợ ông Đ, qua ý kiến trình bày và yêu cầu của ông Đ buộc ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B trả cho bà với ông Đ tiền vốn vay còn nợ bằng 6.210.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện (Bản chính); các biên nhận nợ (bản chính), bản án hình

sự số 11/2024/HS-ST ngày 13/3/2024; CCCD (photo); Bị đơn cung cấp CCCD (photo);

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất: Ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B thừa nhận còn nợ ông Thạch Đ và bà Võ Thị D tiền vốn vay bằng 6.210.000.000 đồng; Ông Thạch Đ và bà Võ Thị D không yêu cầu tính lãi.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Không có.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Đ và bà Võ Thị D.

2. Buộc ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B cùng có trách nhiệm trả cho ông Thạch Đ và bà Võ Thị D tiền vốn vay còn nợ bằng 6.210.000.000 (Sáu tỷ hai trăm mười triệu) đồng. Ông Thạch Đ và bà Võ Thị D không yêu cầu tính lãi.

3. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần; Bị đơn không có yêu cầu phản tố;

Ông Thạch Đ, bà Võ Thị D ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] V*ề nội dung*: Trong quá trình giải quyết ông Thạch Đ, bà Võ Thị D với ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B có lời khai thống nhất, từ năm 2020 đến năm 2022 ông T, bà B có vay của ông Đ, bà D tiền vốn vay tổng cộng bằng 7.800.000.000 đồng, ông T có trả trước cho ông Đ bằng 390.000.000 đồng và tại bản án hình sự số 11/2024/HS-ST ngày 13/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh buộc ông T khắc phục số tiền chiếm đoạt bằng 1.200.000.000 đồng, tổng cộng ông T, bà B đã trả trước cho ông Đ, bà D bằng 1.539.0000.000 đồng, còn nợ lại số tiền vốn vay bằng 6.210.000.000 đồng, đây là những tình tiết các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết ông Thạch Đ và bà Võ Thị D yêu cầu ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B cùng có trách nhiệm trả cho ông Đ, bà D tiền vốn vay còn nợ bằng 6.210.000.000 đồng, Ông T, bà B thừa nhận còn nợ ông Đ, bà

D bằng 6.210.000.000 đồng và đồng ý trả. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ những nhận định nêu trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do ông Đ, bà D không có yêu cầu tính lãi nên không giải quyết.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn ông Thạch Đ không phải chịu án phí.

[5] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Đ và bà Võ Thị D.

2. Buộc ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B cùng có trách nhiệm trả cho ông Thạch Đ và bà Võ Thị D tiền vốn vay còn nợ bằng 6.210.000.000 (Sáu tỷ hai trăm mười triệu) đồng. Ông Thạch Đ và bà Võ Thị D không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B phải chịu 114.210.000 đồng án phí.

Ông Thạch Đ không phải chịu án phí. Do ông Thạch Đ là con liệt sĩ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội được miễn nộp tạm ứng án phí, nên không xử lý.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm